

*Toán***GIỚI THIỆU VỀ MÁY TÍNH BỎ TÚI****I. MỤC TIÊU:****1. Kiến thức:**

- Bước đầu biết dùng máy tính bỏ túi để thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia các số thập phân.

- HS làm bài tập 1.

2. Kỹ năng: Dùng máy tính bỏ túi để thực hiện cộng, trừ, nhân, chia các số thập phân, chuyển một số phân số thành số thập phân.

3. Thái độ: Cần thận, tỉ mỉ khi tính toán.

4. Năng lực:

- **Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,**

- **Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học**

II. CHUẨN BỊ**1. Đồ dùng**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, máy tính cầm tay.

- Học sinh: Sách giáo khoa, máy tính cầm tay.

2. Phương pháp và kỹ thuật dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập.

- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, tia chớp, động não

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. Hoạt động khởi động:(5phút)	
<ul style="list-style-type: none"> - Cho 2 HS nêu các dạng toán về tỉ số phần trăm đã học. - Yêu cầu HS tìm tỉ số phần trăm của 45 và 75. - GV nhận xét, bổ sung. - Giới thiệu bài - Ghi bảng 	<ul style="list-style-type: none"> - 2 HS nêu các dạng toán về tỉ số phần trăm đã học. - HS thực hiện bảng con, bảng lớp. - HS nghe - HS ghi bảng
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(15 phút)	
<p><i>*Mục tiêu:</i> Biết cấu tạo, tác dụng của máy tính bỏ túi; biết cách sử dụng máy tính bỏ túi.</p> <p><i>*Cách tiến hành:</i></p>	
<p>Hoạt động 1: Làm quen với máy tính bỏ túi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên cho học sinh quan sát máy tính. - Trên mặt máy tính có những gì? - Hãy nêu những phím em đã biết trên bàn phím? - Dựa vào nội dung các phím em hãy cho biết máy tính bỏ túi có thể dùng 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh quan sát máy tính rồi trả lời câu hỏi. - Có màn hình, các phím. - Học sinh kể tên như SGK. - HS nêu

<p>để làm gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu chung về máy tính bỏ túi - GV yêu cầu HS ấn phím ON/ C trên bàn phím và nêu: Phím này để làm gì? - Yêu cầu HS ấn phím OFF và nêu tác dụng - Các phím số từ 0 đến 9 - Các phím +, -, x, : - Phím . - Phím = - Phím CE - Ngoài ra còn có các phím đặc biệt khác <p>Hoạt động 2: Thực hiện các phép tính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên ghi 1 phép cộng lên bảng. - Giáo viên đọc cho học sinh ấn lần lượt các phím cần thiết (chú ý ấn \square để ghi dấu phẩy), đồng thời quan sát kết quả trên màn hình. - Tương tự với các phép tính: trừ, nhân, chia. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS theo dõi - Để khởi động cho máy làm việc - Để tắt máy - Để nhập số - Để cộng, trừ, nhân, chia. - Để ghi dấu phẩy trong các số thập phân - Để hiện kết quả trên màn hình - Để xoá số vừa nhập vào nếu nhập sai <p>$25,3 + 7,09 =$</p> <ul style="list-style-type: none"> - Để tính $25,3 + 7,09$ ta lần lượt ấn các phím sau: <div style="border: 1px solid black; display: inline-block; padding: 2px;"> 2 5 . 3 + 7 . 0 9 = </div> <p>Trên màn hình xuất hiện: 32,39</p>
<p>3. HĐ thực hành: (15 phút)</p> <p><i>*Mục tiêu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bước đầu biết dùng máy tính bỏ túi để thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia các số thập phân. - HS làm bài tập 1. <p><i>*Cách tiến hành:</i></p>	
<p>Bài 1: Cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu - Yêu cầu HS thực hiện phép tính - Yêu cầu HS kiểm tra lại kết quả bằng máy tính bỏ túi theo nhóm. - Giáo viên gọi học sinh đọc kết quả. - Giáo viên nhận xét chữa bài. <p>Bài 3(M3,4): Cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS tự thực hiện sau đó nêu kết quả. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện các phép tính sau rồi kiểm tra lại kết quả bằng máy tính bỏ túi - HS làm bài - Học sinh kiểm tra theo nhóm. - Các nhóm đọc kết quả a) $126,45 + 796,892 = 923,342$ b) $352,19 - 189,471 = 162,719$ c) $75,54 \times 39 = 2946,06$ d) $308,85 : 14,5 = 21,3$ - HS tự làm bài: - Biểu thức đó là: $4,5 \times 6 - 7$
<p>4. Hoạt động ứng dụng:(2 phút)</p>	

- Cho HS dùng máy tính để tính: 475,36 + 5,497 = 1207 - 63,84 = 54,75 x 7,6 = 14 : 1,25 =	- HS nghe và thực hiện 475,36 + 5,497 = 480,857 1207 - 63,84 = 1143,16 54,75 x 7,6 = 416,1 14 : 1,25 = 11,2
5. Hoạt động sáng tạo:(1 phút)	
- Về nhà sử dụng máy tính để tính toán cho thành thạo.	- HS nghe và thực hiện

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

*Tập đọc***CA ĐAO VỀ LAO ĐỘNG SẢN XUẤT****I. MỤC TIÊU:****1. Kiến thức:**

- Hiểu ý nghĩa của các bài ca dao: Lao động vất vả trên ruộng đồng của người nông dân đã mang lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho mọi người.(Trả lời được các câu hỏi trong SGK) .

- Thuộc lòng 2-3 bài ca dao .

2. Kỹ năng: Ngắt nhịp hợp lí theo thể thơ lục bát.

3. Thái độ: Giáo dục HS biết yêu quý người lao động.

4. Năng lực:

- **Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.**

- **Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.**

II. CHUẨN BỊ.**1. Đồ dùng**

- Giáo viên: + Tranh minh họa bài trong SGK
+ Bảng phụ ghi sẵn câu ca dao cần luyện đọc

- Học sinh: Sách giáo khoa, vở

2. Phương pháp và kỹ thuật dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, thực hành, thảo luận nhóm.

- Kỹ thuật đặt câu hỏi, kỹ thuật trình bày một phút, động não.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. Hoạt động khởi động:(5 phút)	
- Cho HS thi đọc bài " <i>Ngu Công xã Trịnh Tường</i> " - GV nhận xét. - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS thi đọc - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động luyện đọc: (10 phút) * <i>Mục tiêu:</i> - Rèn đọc đúng từ, đọc đúng câu, đoạn. - Hiểu nghĩa các từ ngữ mới.	

<p>- Đọc đúng các từ ngữ khoa trong bài.</p> <p><i>* Cách tiến hành:</i></p>	
<p>- Gọi 1 HS đọc toàn bài</p> <p>- Đọc nối tiếp từng đoạn trong nhóm</p> <p>- Luyện đọc theo cặp</p> <p>- Gọi HS đọc toàn bài</p> <p>- Giáo viên đọc diễn cảm toàn bài.</p>	<p>- Gọi 1 HS đọc toàn bài</p> <p>- Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc nối tiếp từng đoạn trong nhóm</p> <p>+ 3 HS đọc nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó</p> <p>+ 3 HS đọc nối tiếp lần 2 kết hợp giải nghĩa từ</p> <p>- HS luyện đọc theo cặp</p> <p>- HS đọc toàn bài</p> <p>- HS nghe</p>
<p>3. Hoạt động tìm hiểu bài: (10 phút)</p> <p><i>* Mục tiêu:</i> Hiểu ý nghĩa của các bài ca dao: Lao động vất vả trên ruộng đồng của người nông dân đã mang lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho mọi người. (Trả lời được các câu hỏi trong SGK) .</p> <p><i>* Cách tiến hành:</i></p>	
<p>- Cho HS đọc câu hỏi SGK</p> <p>- GV giao nhiệm vụ cho HS thảo luận, TLCH sau đó chia sẻ kết quả trước lớp</p> <p>1. Tìm những hình ảnh nói lên nỗi vất vả, lo lắng của người nông dân trong sản xuất?</p> <p>2. Những câu nào thể hiện tinh thần lạc quan của người nông dân?</p> <p>3. Tìm những câu ứng với nội dung dưới đây:</p> <p>a) Khuyến nông dân chăm chỉ cấy cày:</p> <p>b) Thể hiện quyết tâm trong lao động sản xuất.</p> <p>c) Nhắc người ta nhớ ơn người làm ra hạt gạo.</p> <p>- Nêu nội dung bài.</p>	<p>- HS đọc</p> <p>- Nhóm trưởng điều khiển nhóm TLCH sau đó chia sẻ trước lớp.</p> <p>+ Nỗi vất vả: cấy đồng buổi trưa, mồ hôi như mưa ruộng cấy. Bụng bát cơm đầy, dẻo thơm 1 hạt, đắng cay, muôn phần.</p> <p>+ Sự lo lắng: Đi cấy còn trông nhiều bề. Trông trời, trông đất, trông mây; ... Trời yên biển lặng mới yên tấm lòng. ... chẳng quản lâu đâu, ngày nay nước bạc, ngày sau cơm vàng.</p> <p>- Công lênh chẳng quản lâu đâu, ngày nay nước bạc, ngày sau cơm vàng.</p> <p>+ Ai ơi đừng bỏ ruộng hoang. Bao nhiêu tác đất, tác vàng bấy nhiêu</p> <p>+ Trông cho chân cứng đá mềm. Trời yên, biển lặng mới yên tấm lòng.</p> <p>+ Ai ơi bụng bát cơm đầy Dẻo thơm 1 hạt, đắng cay muôn phần.</p> <p>- HS nội dung bài: <i>Lao động vất vả trên ruộng đồng của người nông dân đã mang lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho mọi người</i></p>
<p>4. Luyện đọc diễn cảm:(8 phút)</p> <p><i>* Mục tiêu:</i> Đọc ngắt nhịp hợp lí theo thể thơ lục bát.</p> <p><i>* Cách tiến hành:</i></p>	

- Đọc nối tiếp từng đoạn - Giáo viên hướng dẫn giọng đọc cả 3 bài ca dao. - GV hướng dẫn kĩ cách đọc 1 bài. - Tổ chức cho học sinh thi đọc diễn cảm. - Luyện học thuộc lòng - Thi đọc thuộc lòng	- 3 HS đọc tiếp nối 3 bài ca dao - HS đọc - HS thi đọc diễn cảm - HS nhẩm học thuộc lòng - HS thi đọc thuộc lòng
5. Hoạt động ứng dụng: (2 phút)	
- Qua các câu ca dao trên, em thấy người nông dân có các phẩm chất tốt đẹp nào ?	- HS nêu
6. Hoạt động sáng tạo: (1 phút)	
- Sau này lớn lên, em sẽ làm gì để giúp đỡ người nông dân đỡ vất vả ?	- HS nêu

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

Thứ năm ngày 27 tháng 12 năm 2018

Tập làm văn

ÔN TẬP VỀ VIẾT ĐƠN**I. MỤC TIÊU****1. Kiến thức:**

- Biết điền đúng nội dung vào một lá đơn in sẵn (BT1) .
- Viết được đơn xin học môn tự chọn Ngoại ngữ (hoặc tin học) đúng thể thức, đủ nội dung cần thiết .

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng viết văn bản hành chính.**3. Thái độ:** Cẩn thận, tỉ mỉ, sử dụng từ ngữ chính xác.

***GDKNS:** Ra quyết định/ giải quyết vấn đề. Hợp tác làm việc theo nhóm, hoàn thành đơn xin học.

4. Năng lực:

- **Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.**

- **Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.**

II. CHUẨN BỊ**1. Đồ dùng**

- GV: Mẫu đơn xin học, phiếu học tập
- HS : SGK, vở viết

2. Phương pháp và kỹ thuật dạy học

- Vấn đáp , quan sát, thảo luận nhóm, trò chơi...
- Kỹ thuật đặt và trả lời câu hỏi.
- Kỹ thuật trình bày một phút

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. Hoạt động khởi động:(5phút)	
<ul style="list-style-type: none"> - Cho HS thi đọc lại đoạn văn đã viết tiết trước. - GV nhận xét, tuyên dương - Giới thiệu bài- Ghi bảng 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thi đọc - HS nghe - HS ghi vở
<p>2. Hoạt động thực hành:(28 phút)</p> <p>* <i>Mục tiêu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết điền đúng nội dung vào một lá đơn in sẵn (BT1) . - Viết được đơn xin học môn tự chọn Ngoại ngữ (hoặc tin học) đúng thể thức, đủ nội dung cần thiết . <p>* <i>Cách tiến hành:</i></p>	
<p>Bài tập 1: Cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu và mẫu đơn - Yêu cầu HS tự làm bài - Gọi HS đọc lá đơn đã hoàn thành - GV nhận xét sửa lỗi cho HS 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành đơn xin học theo mẫu dưới đây - HS điền vào mẫu đơn trong phiếu - 3 HS nối tiếp nhau đọc <p><i>Ví dụ:</i></p> <p>Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</p> <p style="text-align: right;">Xuân Trúc, ngày 27/12/2018 ĐƠN XIN HỌC</p> <p>Kính gửi: Ban giám hiệu trường THCS Xuân Trúc Em tên là: Nguyễn Tiên Bình Nam/Nữ: Nam Sinh ngày: 30- 10 – 2007 Nơi sinh: Đặng Lễ - Ân Thi - Hưng Yên Quê quán: Đặng Lễ- Ân Thi- Hưng Yên</p> <p>Đã hoàn thành chương trình Tiểu học. Tại Trường Tiểu học Xuân Trúc Em làm đơn này xin đề nghị Trường THCS Xuân Trúc xét cho em được vào học lớp 6 của trường.</p> <p>Em xin hứa thực hiện nghiêm chỉnh nội quy của Nhà trường, phấn đấu học tập và rèn luyện tốt.</p> <p style="text-align: center;">Em xin trân trọng cảm ơn.</p> <p style="text-align: right;">Người làm đơn</p>
<p>Bài tập 2: Cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc yêu cầu - Yêu cầu HS nêu lại thể thức của một 	<ul style="list-style-type: none"> - Viết đơn xin được học môn tự chọn... - HS nêu lại

lá đơn - Yêu cầu học sinh làm bài - GV theo dõi giúp đỡ. - Thu chấm, nhận xét.	- HS làm bài
3. Hoạt động ứng dụng: (2 phút)	
- Em hãy nhắc lại cấu tạo của một lá đơn.	- HS nêu
4. Hoạt động sáng tạo: (1 phút)	
- Về nhà tập viết đơn xin học nghề mà mình yêu thích.	- HS nghe và thực hiện

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

Toán

**SỬ DỤNG MÁY TÍNH BỎ TÚI ĐỂ
GIẢI BÀI TOÁN VỀ TỈ SỐ PHẦN TRĂM**

I. MỤC TIÊU**1. Kiến thức:**

- Biết sử dụng máy tính bỏ túi để hỗ trợ giải các bài toán về tỉ số phần trăm .
- HS làm bài 1(dòng 1,2), bài 2(dòng1,2).

2. Kỹ năng: Sử dụng máy tính bỏ túi nhanh, chính xác**3. Thái độ:** Nghiêm túc, nhanh nhẹn, chính xác.**4. Năng lực:**

- **Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,**
- **Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học**

II. CHUẨN BỊ**1. Đồ dùng**

- GV: SGK, bảng phụ, máy tính bỏ túi...
- HS : SGK, vở, máy tính bỏ túi...

2. Phương pháp và kỹ thuật dạy học

- Vấn đáp , quan sát, thảo luận nhóm, thực hành, trò chơi...
- Kỹ thuật đặt và trả lời câu hỏi.
- Kỹ thuật trình bày một phút. kỹ thuật động não...

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. Hoạt động khởi động:(3phút)	
- Cho HS chơi trò chơi: <i>Tính nhanh, tính đúng.</i> - Cách chơi:Mỗi đội gồm có 4 HS, sử	- HS chơi trò chơi

<p>dụng máy tính bỏ túi để tính nhanh kết quả phép tính: $125,96 + 47,56$; $985,06 \times 15$; $352,45 - 147,56$ và $109,98 : 42,3$</p> <p>- Đội nào có kết quả nhanh và chính xác hơn thì đội đó thắng.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- Giới thiệu bài - Ghi bảng</p>	<p>- HS nghe</p> <p>- HS ghi vở</p>
<p>2.Hoạt động hình thành kiến thức mới:(15 phút)</p> <p><i>*Mục tiêu:</i> Biết sử dụng máy tính bỏ túi để hỗ trợ giải các bài toán về tỉ số phần trăm.</p> <p><i>*Cách tiến hành:</i></p>	
<p><i>* Hướng dẫn sử dụng máy tính bỏ túi để giải bài toán về tỉ số phần trăm.</i></p> <p><i>Tìm tỉ số phần trăm của 7 và 40</i></p> <p>- GV nêu yêu cầu : Chúng ta cùng tìm tỉ số phần trăm của 7 và 40.</p> <p>- GV yêu cầu 1 HS nêu lại cách tìm tỉ số phần trăm của 7 và 40.</p> <p>- GV yêu cầu HS sử dụng máy tính bỏ túi để thực hiện bước tìm thương $7 : 40$</p> <p>- Vậy tỉ số phần trăm của 7 và 40 là bao nhiêu phần trăm?</p> <p>- Chúng ta có thể thực hiện cả hai bước khi tìm tỉ số phần trăm của 7 và 40 bằng máy tính bỏ túi. Ta lần lượt bấm các phím sau:</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc kết quả trên màn hình.</p> <p>- Đó chính là 17,5%.</p> <p><i>Tính 34% của 56</i></p> <p>- GV nêu vấn đề : Chúng ta cùng tìm 34% của 56.</p> <p>- GV yêu cầu HS nêu cách tìm 34% của 56.</p> <p>- GV yêu cầu HS sử dụng máy tính để tính $56 \times 34 : 100$</p> <p>- GV nêu : Thay vì bấm 10 phím.</p> <p style="text-align: center;">$56 \times 34 \div 100$</p> <p>khi sử dụng máy tính bỏ túi để tìm</p>	<p>- HS nghe và nhớ nhiệm vụ.</p> <p>- 1 HS nêu trước lớp, cả lớp theo dõi và nhận xét :</p> <p>+ Tìm thương $7 : 40$</p> <p>+ Nhân thương đó với 100 rồi viết ký hiệu % vào bên phải thương.</p> <p>- HS thao tác với máy tính và nêu:</p> <p style="text-align: center;">$7 : 40 = 0,175$</p> <p>- HS nêu : Tỉ số phần trăm của 7 và 40 là 17,5%</p> <p>- HS lần lượt bấm các phím theo lời đọc của GV :</p> <p style="text-align: center;">$7 \quad \div \quad 40 \quad \quad \quad \%$</p> <p>- Kết quả trên màn hình là 17,5.</p> <p>- 1 HS nêu trước lớp các bước tìm 34% của 56.</p> <p>+ Tìm thương $56 : 100$.</p> <p>+ Lấy thương vừa tìm được nhân với 34 .</p> <p>- HS tính và nêu :</p> <p style="text-align: center;">$56 \times 34 : 100 = 19,4$</p>

<p>34% của 56 ta chỉ việc bấm các phím :</p> <p>$56 \times 34 \%$</p> <p>- GV yêu cầu HS thực hiện bấm máy tính bỏ túi để tìm 34% của 54.</p>																													
<p>3. HĐ thực hành: (15 phút) *Mục tiêu: HS làm bài 1(dòng 1,2), bài 2(dòng1,2). *Cách tiến hành:</p>																													
<p>Bài 1(dòng 1,2): Cá nhân - Bài tập yêu cầu chúng ta tính gì? - GV yêu cầu HS sử dụng máy tính bỏ túi để tính rồi ghi kết quả vào vở.</p> <p>Bài 2(dòng1,2): Cá nhân - HS đọc đề bài - GV tổ chức cho HS làm bài tập 2 tương tự như bài tập 1.</p> <p>Bài 3(M3,4): Cá nhân - Cho HS đọc bài, tự tìm cách làm - GV quan sát, giúp đỡ HS gặp khó khăn khi làm.</p>	<p>- HS thao tác với máy tính. - Bài tập yêu cầu chúng ta tính tỉ số phần trăm giữa số HS nữ và số HS của một số trường.</p> <table border="1" data-bbox="818 657 1433 978"> <thead> <tr> <th>Trường</th> <th>Số HS</th> <th>Số HS nữ</th> <th>Tỉ số phần trăm của số HS nữ và tổng số HS</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>An Hà</td> <td>612</td> <td>311</td> <td>50,81 %</td> </tr> <tr> <td>An Hải</td> <td>578</td> <td>294</td> <td>50,86 %</td> </tr> <tr> <td>An Dương</td> <td>714</td> <td>356</td> <td>49,85 %</td> </tr> <tr> <td>An Sơn</td> <td>807</td> <td>400</td> <td>49,56 %</td> </tr> </tbody> </table> <p>- HS đọc - HS làm bài vào vở bài tập, dùng máy tính bỏ túi để tính, sau đó 1 HS đọc kết quả bài làm của mình cho HS cả lớp kiểm tra.</p> <table border="1" data-bbox="818 1178 1386 1346"> <thead> <tr> <th>Thóc (kg)</th> <th>Gạo (kg)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>100</td> <td>69</td> </tr> <tr> <td>150</td> <td>103,5</td> </tr> <tr> <td>125</td> <td>86,25</td> </tr> </tbody> </table> <p>- HS đọc bài và nhận thấy đây là bài toán yêu cầu tìm một số khi biết 0,6% của nó là 30 000 đồng, 60 000 đồng, 90 000 đồng. - Kết quả: a) 5000 000 đồng b) 10 000 000 đồng c) 15 000 000 đồng</p>	Trường	Số HS	Số HS nữ	Tỉ số phần trăm của số HS nữ và tổng số HS	An Hà	612	311	50,81 %	An Hải	578	294	50,86 %	An Dương	714	356	49,85 %	An Sơn	807	400	49,56 %	Thóc (kg)	Gạo (kg)	100	69	150	103,5	125	86,25
Trường	Số HS	Số HS nữ	Tỉ số phần trăm của số HS nữ và tổng số HS																										
An Hà	612	311	50,81 %																										
An Hải	578	294	50,86 %																										
An Dương	714	356	49,85 %																										
An Sơn	807	400	49,56 %																										
Thóc (kg)	Gạo (kg)																												
100	69																												
150	103,5																												
125	86,25																												
<p>4. Hoạt động ứng dụng:(2 phút)</p>																													
<p>- Cho HS dùng máy tính để tính: Số học sinh tiểu học ở một xã là 324 em và chiếm 16% tổng số dân của xã đó. Tính số dân của xã đó.</p>	<p>- HS tính: $324 : 16 \times 100 = 2025(\text{người})$</p>																												
<p>5. Hoạt động sáng tạo: (1 phút)</p>																													